

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2020/HNGĐ-ST

Ngày 13 - 8 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Tâm.

Bà Phạm Kim Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 giữa và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2020/QĐST- HNGĐ ngày 17/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Đ (tên gọi khác: Ph).

Địa chỉ: ấp 5, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Tổng Bửu Th.

Địa chỉ: ấp 5, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/4/2020 và quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn chị Lê Thị Đ trình bày: Chị và anh Tổng Bửu Th chung sống với nhau từ năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vị Tân. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, từ năm 2005 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân: do chị phát hiện anh Th có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã sống chung không hạnh phúc. Từ tháng 8/2018 anh Th bỏ nhà đi lên Thành phố Hồ

Chí Minh làm thuê và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh Tổng Bửu Th.

Con chung: vợ chồng có 02 đứa con chung tên Tổng Ngọc H, sinh ngày 26/10/2005 và Tổng Ngọc D, sinh ngày 01/12/2009. Hiện hai cháu đang sống chung với mẹ. Sau ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hai cháu. Không yêu cầu anh Th cấp dưỡng.

Tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình thu thập chứng cứ bị đơn anh Tổng Bửu Th đã được Toà án thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh Th không đến dự, nên chưa thể hiện ý kiến.

Tại phiên toà chị Lê Thị Đ trình bày giữ như lời khai và yêu cầu trước đây. Bị đơn anh Tổng Bửu Th vắng mặt nên không phát biểu yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà xác định quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn trong vụ án là anh Tổng Bửu Th có nơi cư trú tại ấp 5, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh.

[3]. Về xét xử vắng mặt: Anh Tổng Bửu Th là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Th.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Đ và anh Tổng Bửu Th chung sống với nhau từ năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh. Theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân của anh chị được công nhận hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, chị Đ khởi kiện đến Tòa xin ly hôn, anh Th chưa thể hiện ý kiến. Toà xét thấy: Hôn nhân của anh chị dù được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nhưng quá trình chung sống không hạnh phúc. Khi có mâu thuẫn anh chị không tự giải quyết được, dẫn đến ly thân nhau. Thời gian ly thân anh chị cũng không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Tại phiên toà chị Đ khai không còn tình cảm với anh Th và yêu cầu xin ly hôn, anh Th mặc dù chưa thể hiện ý kiến, nhưng thời gian ly thân cũng như quá trình Tòa án thu thập chứng cứ anh bỏ mặc không đến tòa. Điều đó chứng tỏ tình cảm của anh đối với chị Đ cũng không còn. Do đó cuộc sống chung của anh chị nếu để tiếp tục kéo dài sẽ không đảm bảo hạnh phúc. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Toà chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ, cho chị được ly hôn với anh Tổng Bửu Th.

[5]. Về con chung: Chị Đ khai vợ chồng có 02 con chung tên Tổng Ngọc H, sinh ngày 26/10/2005 và Tổng Ngọc D, sinh ngày 01/12/2009. Chị Đ yêu cầu được nuôi, anh Th chưa thể hiện ý kiến. Tòa xét thấy: Theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “ Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con ...; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con...”. Xét, hai cháu H, D đều đã hơn 07 tuổi, qua hỏi ý kiến các cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Ngoài ra từ lúc cha mẹ ly thân nhau cho đến nay hai cháu ở chung với mẹ đã ổn định, nên Tòa chấp nhận yêu cầu của chị Đang. Giao hai cháu H, D cho chị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng.

[6]. Về cấp dưỡng: Theo khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Tuy nhiên do chị Đ không yêu cầu, nên Tòa chưa xem xét buộc anh Th cấp dưỡng trong cùng vụ án này.

[7]. Tài sản chung, nợ chung: Chị Đ, khai không yêu cầu giải quyết, anh Th chưa ý kiến, nên Tòa không xem xét trong cùng vụ án.

[8]. Về án phí. căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc nguyên đơn có trách nhiệm chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo mức không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 35, 39, 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 9; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Đ.

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Đ được ly hôn với anh Tổng Bửu Th.

- Về con chung: giao cháu Tổng Ngọc H (giới tính: Nữ), sinh ngày 26/10/2005 và cháu Tổng Ngọc D (giới tính: Nữ), sinh ngày 01/12/2009 cho chị Lê Thị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Tổng Bửu Th chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Lê Thị Đ chưa yêu cầu giải quyết.

Anh Tổng Bửu Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản; nợ chung: chưa xem xét giải quyết, do chưa có yêu cầu.

- Về án phí: Buộc chị Lê Thị Đ chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án

phí chi Đ đã nộp theo biên lai thu số 0003060 ngày 06/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí. Chi Đ không phải nộp thêm.

- Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Tâm; Phạm Kim Ngọc

Võ Thái Sơn